



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP PVI

Ngày 31/12/2025	93,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.3%	35.2%	70.4%

DT thuần Q4/25
2,638
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 214 8.8%
YoY: ▲ 577 28.0%

LN thuần Q4/25
-32.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼577 -106%
YoY: ▼169 -123%

LN sau thuế Q4/25
-28.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼432 -107%
YoY: ▼95.5 -143%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
15.7%
YoY: +/-▲ 0.9%

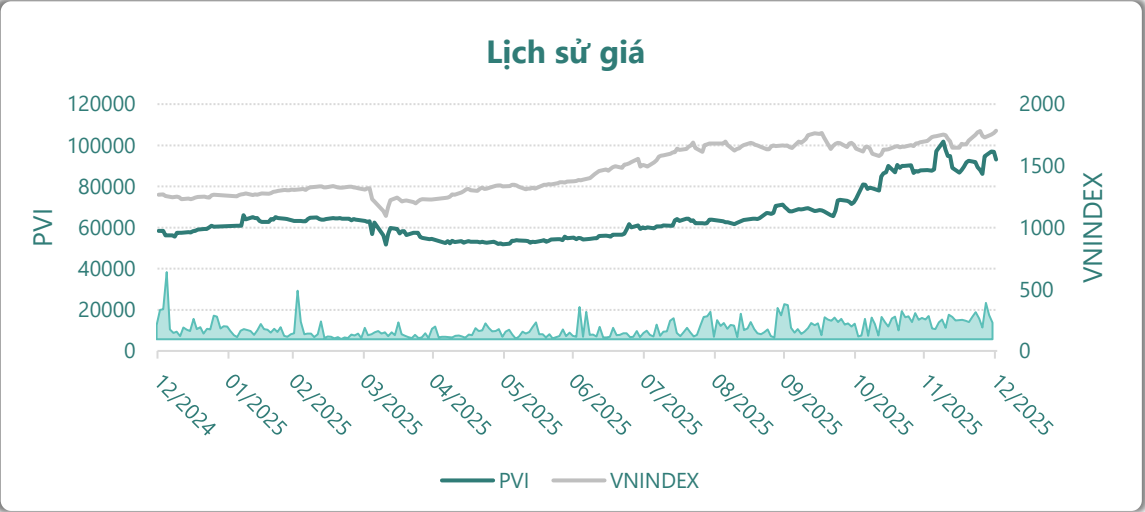
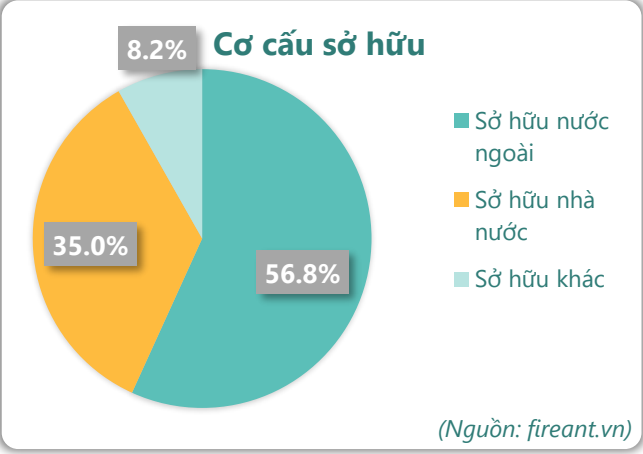
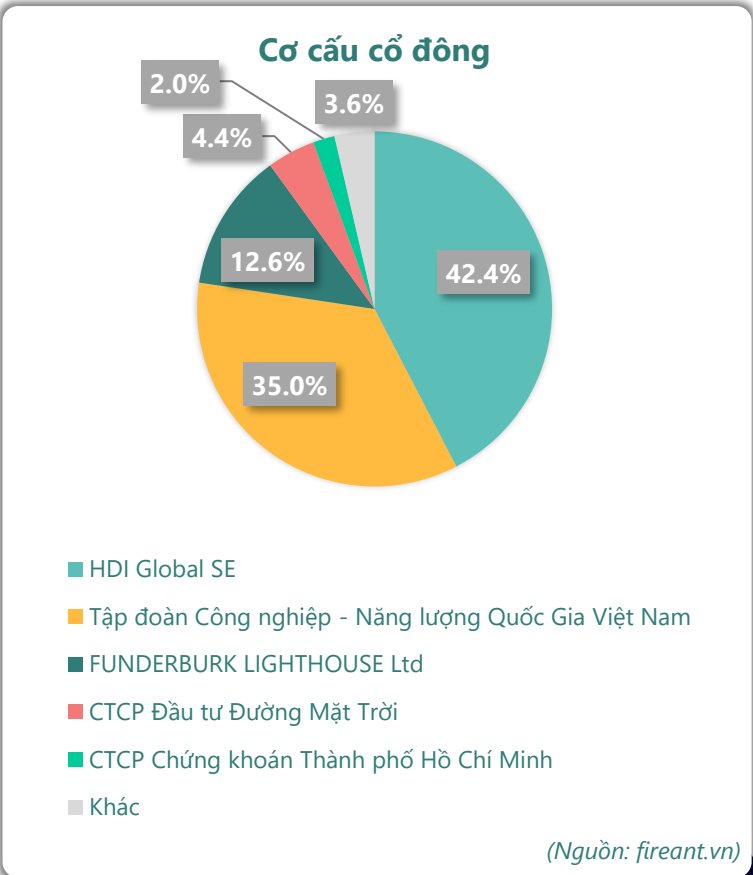
ROE 2025
13.2%
YoY: +/-▲ 2.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	51,707 - 101,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21,784
Số lượng CPLH (CP)	234,241,867
KLGD BQ 20 phiên (CP)	135,870
Sở hữu nước ngoài	56.8%
Beta	0.31
EPS	4,696
P/E	19.8

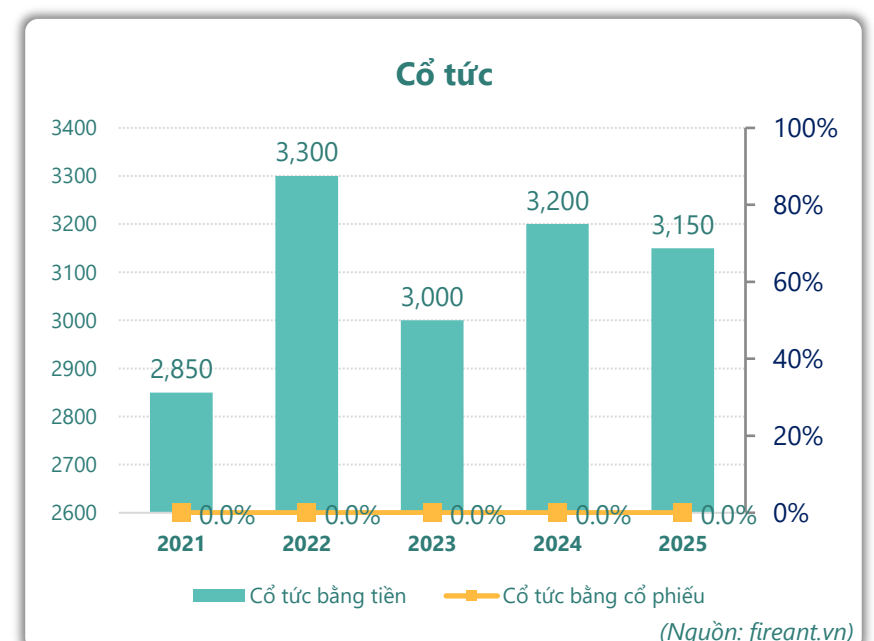
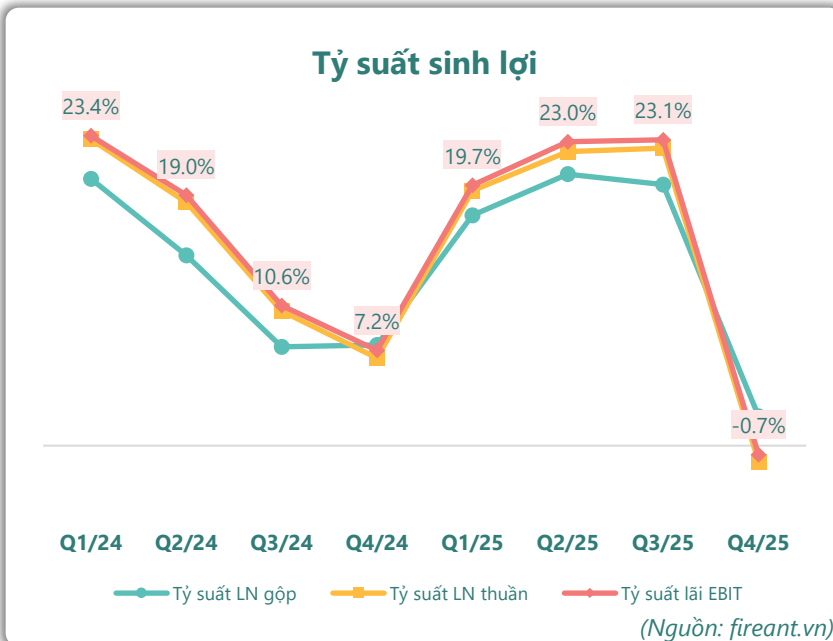
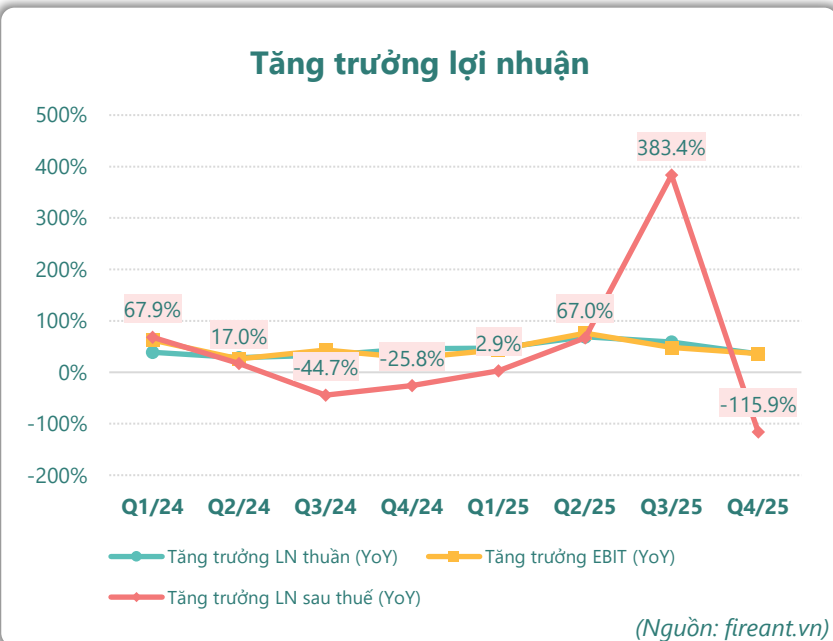
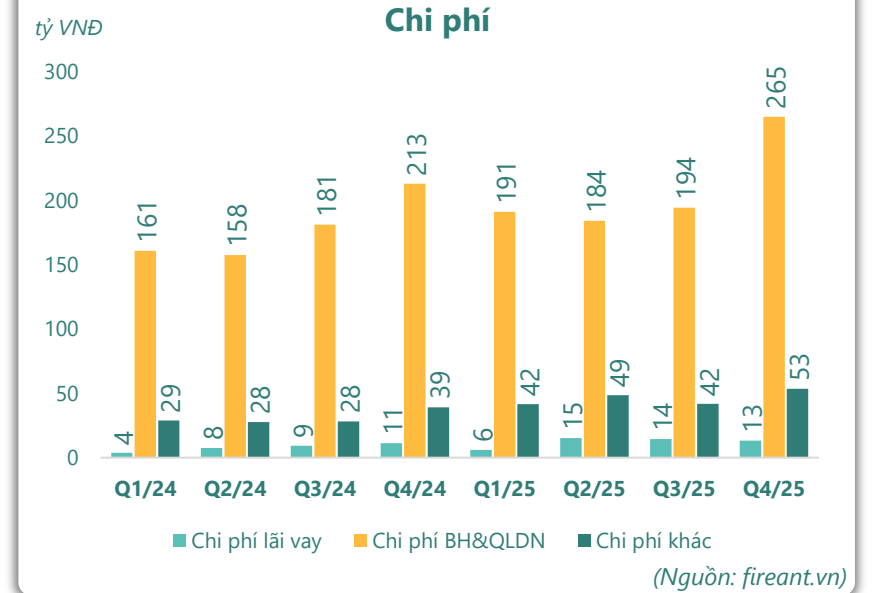
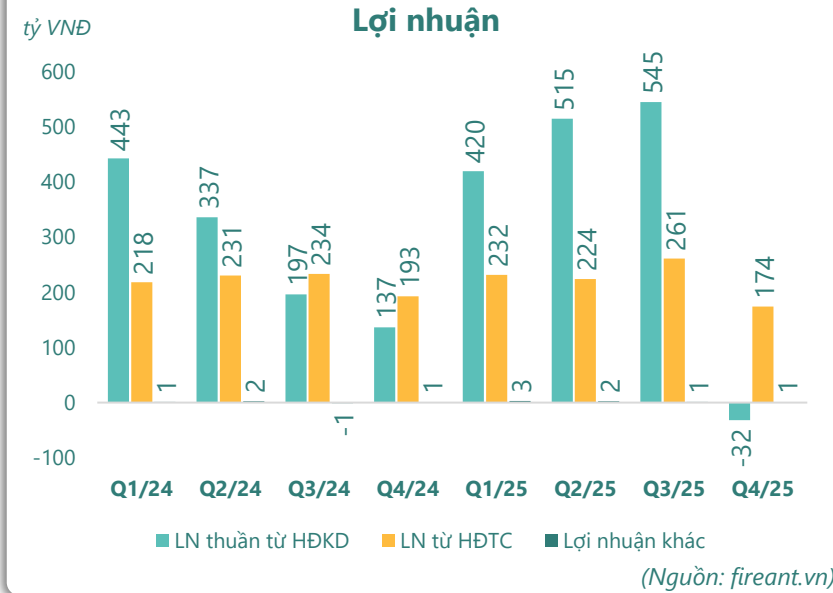
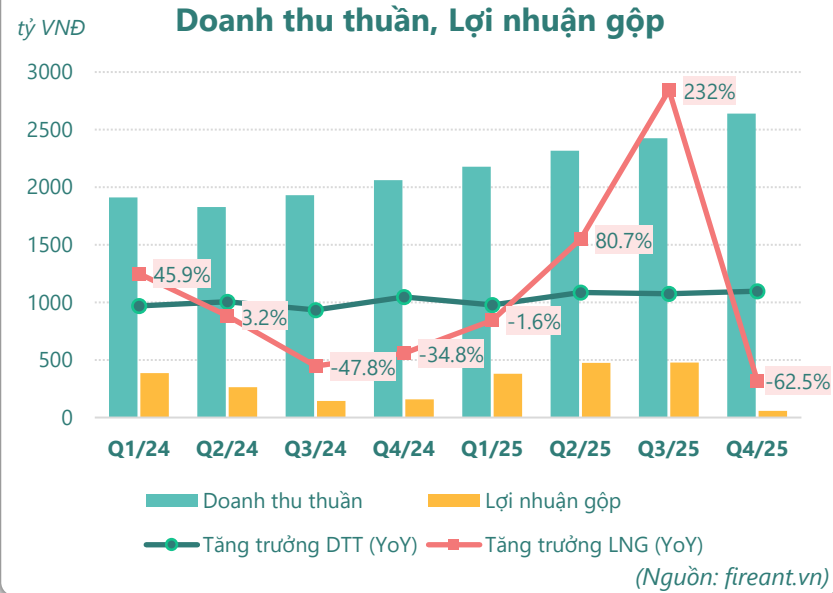
DT thuần 2025
9,558
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,820 23.5%

LN thuần 2025
1,449
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 335 30.1%

LN sau thuế 2025
1,149
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 269 30.6%



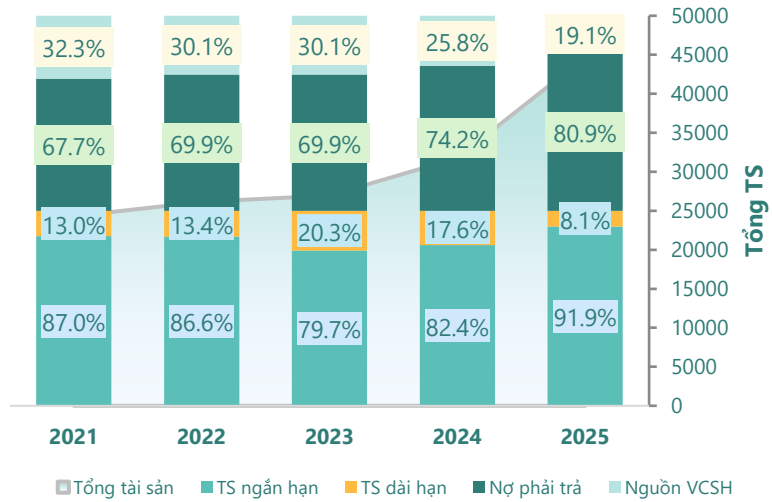
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

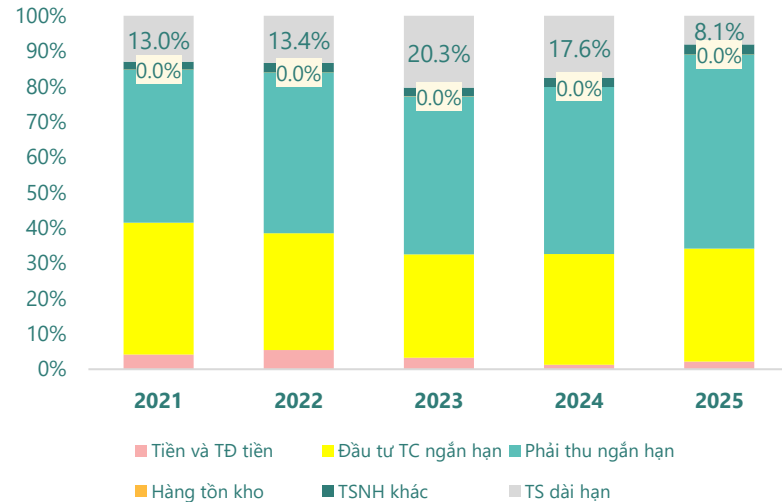
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

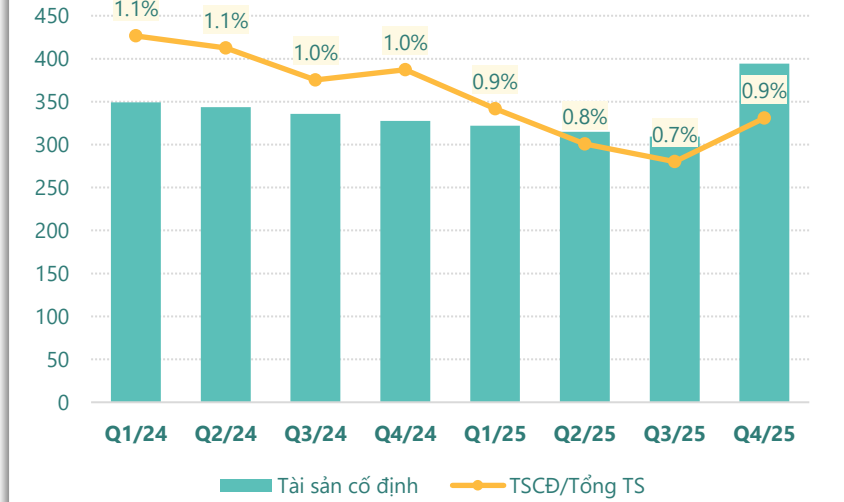
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

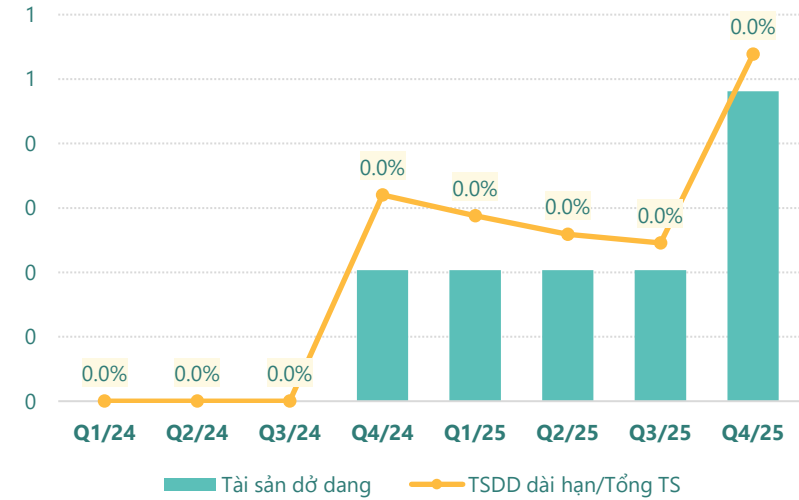
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

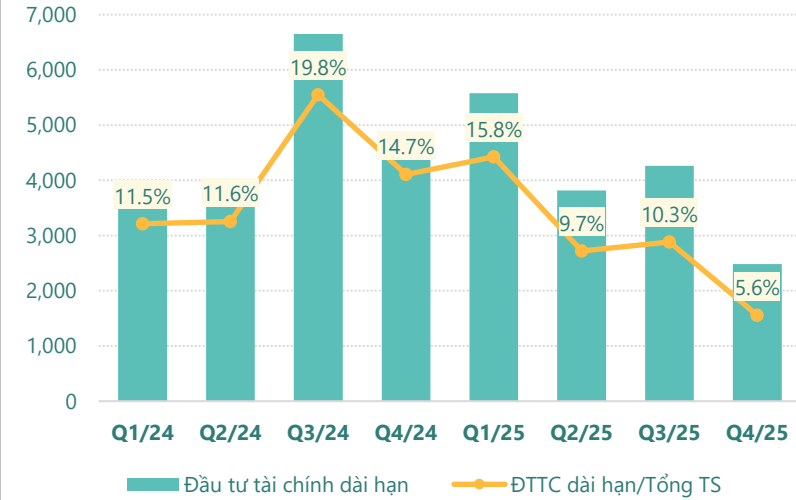
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

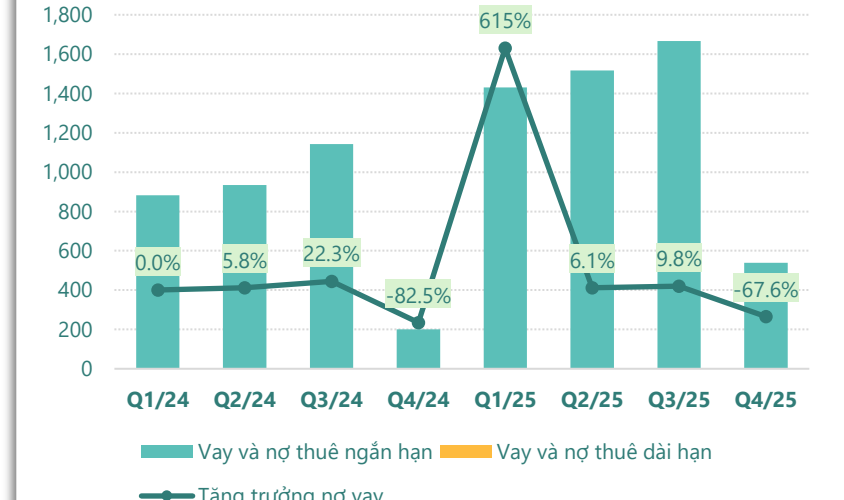
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

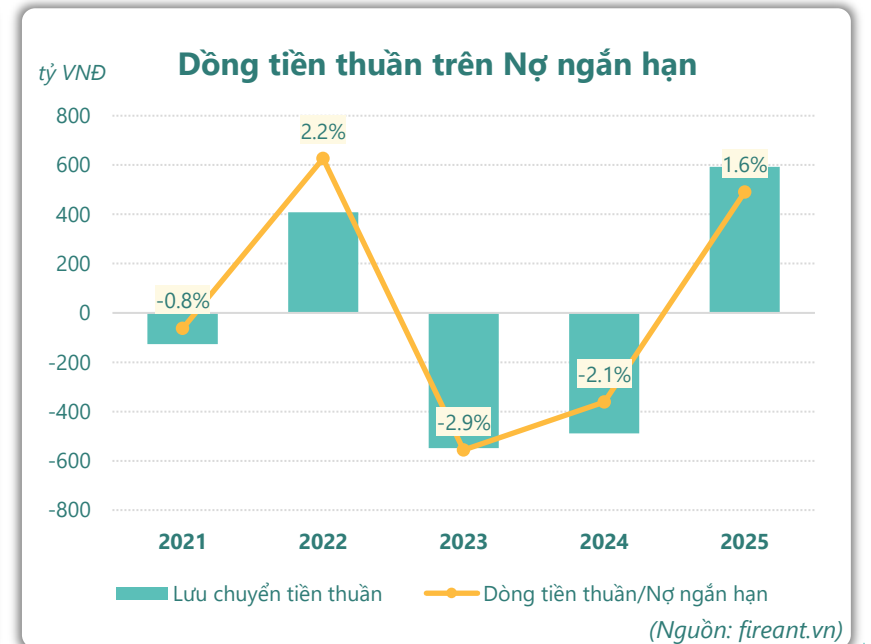
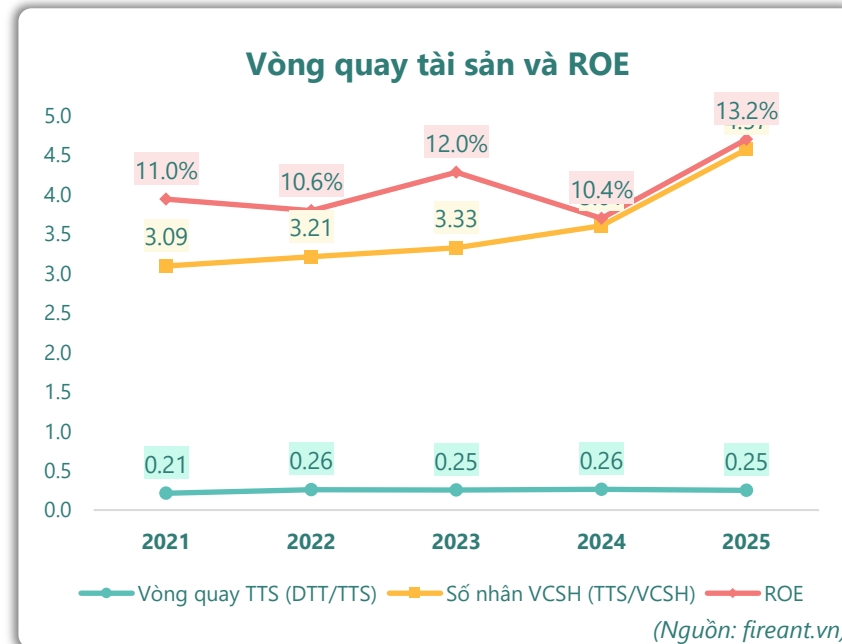
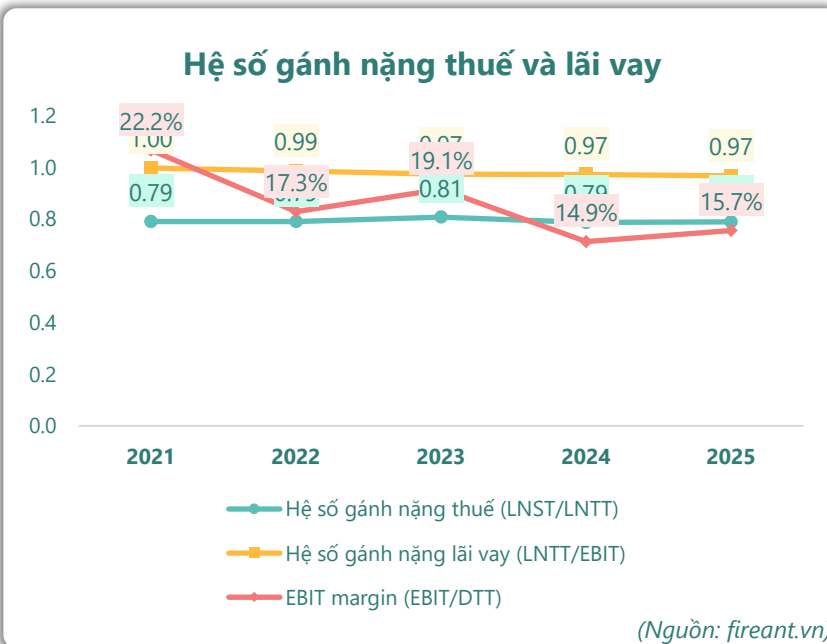
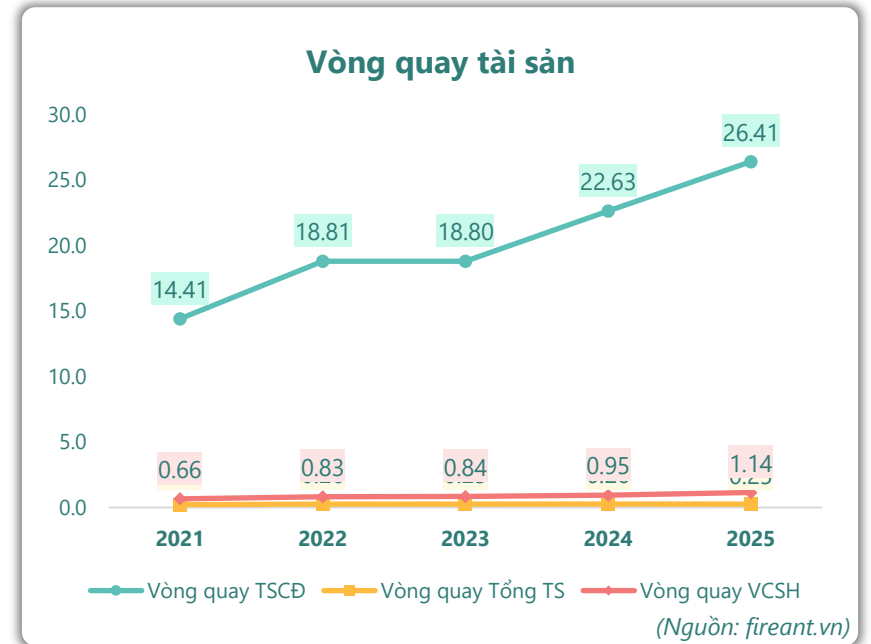
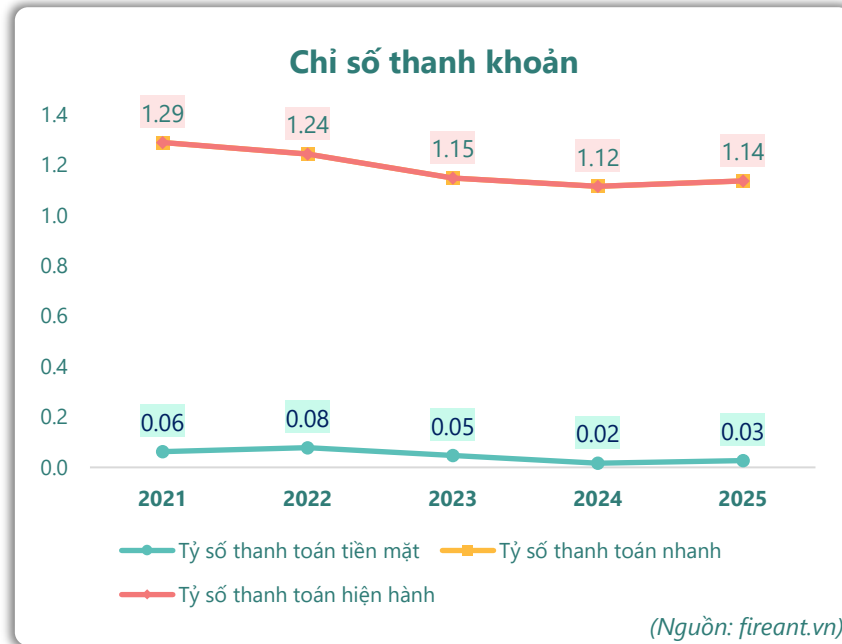
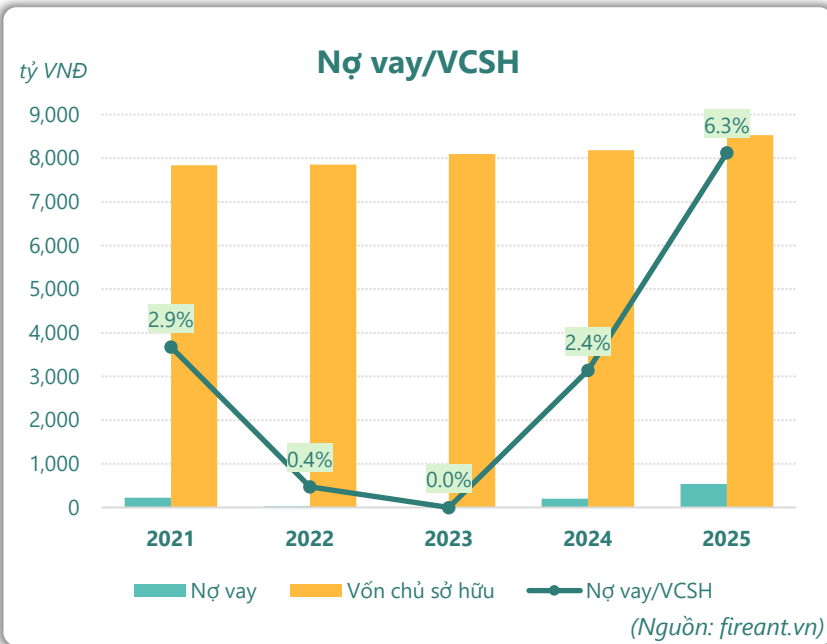
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,638	2,061	28.0%	9,558	7,738	23.5%
Giá vốn hàng bán	2,579	1,904	35.5%	8,165	6,785	20.3%
Lợi nhuận gộp	58.8	157	-62.5%	1,393	953	46.1%
Doanh thu HĐTC	365	342	6.8%	1,419	1,321	7.4%
Chi phí TC	191	149	28.1%	528	446	18.2%
Chi phí lãi vay	13.3	11.2	18.5%	48.9	31.7	54.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	265	213	24.5%	835	714	17.0%
LN thuần từ HĐKD	-32.0	137	-123%	1,449	1,114	30.1%
Lợi nhuận khác	0.79	0.73	7.7%	6.89	3.33	107%
LN trước thuế	-31.3	137	-123%	1,456	1,118	30.3%
Lợi nhuận sau thuế	-28.9	66.6	-143%	1,149	880	30.6%
LNST của CĐ cty mẹ	-38.5	59.9	-164%	1,100	843	30.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,827	-286	710	-493	645	2,058
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,264	992	-1,601	193	322	-835
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-549	-939	1,230	115	113	-1,863
Tiền đầu kỳ	614	623	389	730	547	1,628
Lưu chuyển tiền thuần	14.5	-233	339	-185	1,079	-640
Ảnh hưởng tỷ giá	-5.00	-0.76	1.70	3.04	1.79	0
Tiền cuối kỳ	623	389	730	547	1,628	988

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	44,686	31,767	40.7%
Tài sản ngắn hạn	41,045	26,188	56.7%
Tiền và tương đương tiền	988	389	154%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14,248	9,959	43.1%
Phải thu ngắn hạn	24,569	15,019	63.6%
Hàng tồn kho	1.03	3.01	-65.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1,239	818	51.6%
Tài sản dài hạn	3,641	5,579	-34.7%
Phải thu dài hạn	33.8	35.3	-4.3%
Tài sản cố định	394	330	19.6%
Bất động sản đầu tư	642	754	-14.8%
Tài sản dở dang	0.48	0.20	137%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,484	4,371	-43.2%
Tài sản dài hạn khác	85.8	89.5	-4.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36,156	23,584	53.3%
Nợ ngắn hạn	36,085	23,476	53.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	539	200	170%
Phải trả người bán ngắn hạn	5,141	4,060	26.6%
Nợ dài hạn	71.0	108	-34.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,530	8,183	4.2%
Vốn chủ sở hữu	8,530	8,183	4.2%
Vốn điều lệ	2,342	2,342	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

